
(Đề thi có 03 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi:

Câu 1. Khổ giấy A2 là khổ giấy có kích thước (mm) là:

- A. 841×594 B. 594×420 C. 420×297 D. 297×210

Câu 2. Cho vật thể có kích thước: chiều dài 60 mm, chiều rộng 40 mm và chiều cao 50mm. Hình biểu diễn vật thể có tỉ lệ là 1 : 2. Độ dài kích thước chiều rộng đo được trên hình biểu diễn của vật thể là bao nhiêu?

- A. 30 mm B. 25 mm C. 20 mm D. 15 mm

Câu 3. Chọn đáp án **sai** về các khối tròn xoay thường gặp.

- A. Hình trụ được tạo thành khi quay một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định.
B. Hình nón được tạo thành khi quay một hình tam giác một vòng quanh một cạnh cố định.
C. Hình nón được tạo thành khi quay một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông.
D. Hình cầu được tạo thành khi quay một nửa hình tròn một vòng quanh đường kính của nửa đường tròn đó.

Câu 4. Nếu trên bản vẽ có ba hình chiếu (đứng, bằng, cạnh), hình nào giúp ta thấy được chiều cao của vật thể?

- A. Hình chiếu bằng.
B. Hình chiếu đứng.
C. Hình chiếu cạnh.
D. Cả B và C.

Câu 5. Trên bản vẽ kỹ thuật, nét liền mảnh được dùng để

- A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.
B. Vẽ đường kích thước, đường giống kích thước.
C. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.
D. Vẽ đường tâm, đường trục đối xứng.

Câu 6. Khung tên thường đặt ở đâu trên bản vẽ khổ A4?

- A. Trên cùng bên trái B. Trên cùng bên phải
C. Dưới cùng bên phải D. Dưới cùng giữa trang

Câu 7. Trong phương pháp các hình chiếu, có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

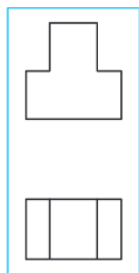
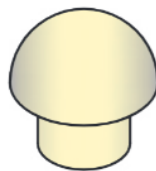
Câu 8. Đối với khối đa diện đều và khối tròn xoay, người ta thường biểu diễn bằng bao nhiêu hình chiếu?

- A. Bằng một hình chiếu vuông góc.
B. Bằng hai hình chiếu vuông góc.
C. Bằng ba hình chiếu vuông góc.
D. Bằng bốn hình chiếu vuông góc.

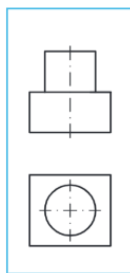
Câu 9. Khi đọc bản vẽ chi tiết, nếu thấy ghi “ $\Phi 20$ ”, điều đó có nghĩa là:

- A. Đường kính 20 mm B. Chiều dài 20 mm
C. Bán kính 20 mm D. Độ sâu 20 mm

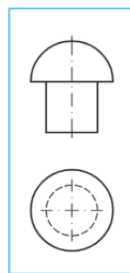
Câu 10. Hình chiếu tương ứng với vật thể đã cho là:



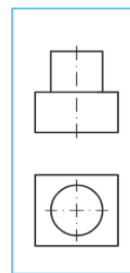
A.



B.



C.



D.

Câu 11. Em sẽ đọc bản vẽ chi tiết theo trình tự nào?

- A. Khung tên → Hình biểu diễn → Yêu cầu kỹ thuật → Kích thước.
- B. Khung tên → Yêu cầu kỹ thuật → Hình biểu diễn → Kích thước.
- C. Hình biểu diễn → Khung tên → Yêu cầu kỹ thuật → Kích thước.
- D. Khung tên → Hình biểu diễn → Kích thước → Yêu cầu kỹ thuật.

Câu 12. Tại sao nói bản vẽ kỹ thuật là “ngôn ngữ” chung dùng trong kỹ thuật?

- A. Vì dựa vào bản vẽ kỹ thuật, người công nhân trao đổi thông tin với nhau.
- B. Căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật để chế tạo sản phẩm.
- C. Căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật để lắp ráp sản phẩm.
- D. Tất cả đáp án trên.

Câu 13. Nội dung phần “vật liệu” thuộc trình tự đọc nào?

- A. Khung tên
- B. Kích thước
- C. Hình biểu diễn
- D. Yêu cầu kỹ thuật

Câu 14. Đầu không phải một yêu cầu kỹ thuật thường thấy?

- A. Làm tù cạnh
- B. Mạ kẽm
- C. Tôi cứng
- D. Phá vỡ cấu trúc

Câu 15. Nội dung phần yêu cầu kỹ thuật gồm:

- A. Chỉ dẫn về gia công
- B. Chỉ dẫn xử lý bề mặt
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 16. Khi trình bày bản vẽ, vì sao phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn?

- A. Để dễ tô màu.
- B. Để bản vẽ có thể dùng chung trong học tập và sản xuất.
- C. Để trang trí cho đẹp.
- D. Để giáo viên dễ chấm điểm.

Câu 17. Khi vẽ chi tiết có rãnh tròn lõm, nếu không thể hiện rõ bằng hình chiếu, ta nên dùng:

- A. Hình cắt
- B. Nét đứt
- C. Hình phối cảnh
- D. Ghi chú thêm

Câu 18. Bước nào sau đây không nằm trong các bước để vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể?

- A. Phân tích vật thể thành các khối đơn giản.
- B. Lựa chọn khổ giấy vẽ phù hợp.
- C. Chọn các hướng chiếu.
- D. Vẽ các hình chiếu các bộ phận của vật thể.

Câu 19. Khi chế tạo chi tiết theo bản vẽ, nếu sai một kích thước nhỏ (ví dụ 0,5 mm), điều gì có thể xảy ra?

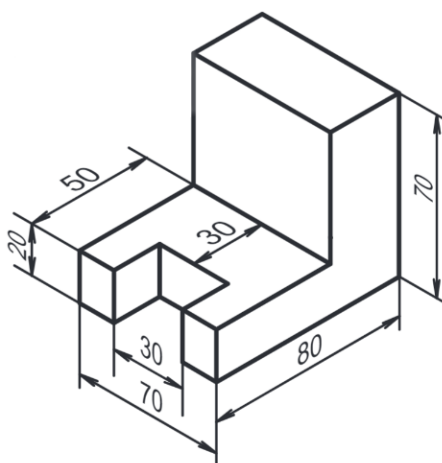
- A. Không ảnh hưởng gì.
- B. Chi tiết không lắp vừa các bộ phận khác.
- C. Chi tiết đẹp hơn.
- D. Máy hoạt động nhanh hơn.

Câu 20. Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn thể hiện:

- A. Hình dạng và cấu tạo của chi tiết.
- B. Chất liệu của chi tiết.
- C. Cách sử dụng chi tiết.
- D. Khối lượng chi tiết.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm): Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể sau:



Câu 2 (2,0 điểm).

- a) Trình bày tiêu chuẩn về nét vẽ trong bản vẽ kỹ thuật.
- b) Em hãy cho biết vì sao trong bản vẽ kỹ thuật cần có các tiêu chuẩn thống nhất về trình bày (như khổ giấy, tỉ lệ, đường nét, khung tên,...).

.....Hết.....

(Đề thi có 03 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi:

Câu 1. Khổ giấy A3 là khổ giấy có kích thước (mm) là:

- A. 841×594 B. 594×420 C. 420×297 D. 297×210

Câu 2. Trên bản vẽ kỹ thuật, nét đứt mảnh được dùng để

- A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.
B. Vẽ đường kích thước, đường giống kích thước.
C. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.
D. Vẽ đường tâm, đường trục đối xứng.

Câu 3. Khi tia nắng vuông góc với mặt sân thì hình chiếu của khối rubic hình lập phương lên mặt sân có dạng hình gì?

- A. Hình tròn B. Hình chữ nhật C. Hình thoi D. Hình vuông

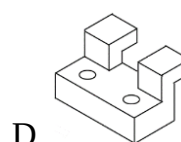
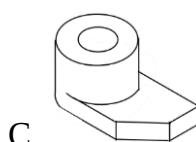
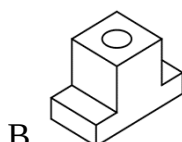
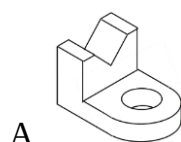
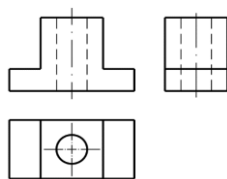
Câu 4. Một viên gạch vuông kích thước 600×600 (mm) được vẽ trên bản vẽ với kích thước 20×20 (mm), hỏi tỉ lệ vẽ là bao nhiêu?

- A. 1 : 30 B. 30 : 1 C. 300 : 1 D. 1 : 300

Câu 5. Trong phương pháp các hình chiếu, có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6. Hình chiếu vuông góc sau đây mô tả vật thể nào?



Câu 7. Kích thước khung bản vẽ cách mép giấy bao nhiêu?

- A. 5 mm ở các cạnh.
B. 10 mm ở tất cả các cạnh.
C. 10 mm cạnh trái, 5 mm các cạnh còn lại.
D. 20 mm cạnh trái, 10 mm các cạnh còn lại.

Câu 8. Việt Nam và một số quốc gia châu Á, châu Âu thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào để biểu diễn hình chiếu vuông góc của vật thể?

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.
B. Phương pháp góc chiếu thứ hai.
C. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
D. Phương pháp góc chiếu thứ tư.

Câu 9. Đâu không phải một yêu cầu kỹ thuật thường thấy?

- A. Làm tù cạnh B. Mạ kẽm
C. Tôi cứng D. Phá vỡ cấu trúc

Câu 10. Hình cầu được tạo thành như thế nào?

- A. Quay một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông.
- B. Quay một hình tam giác đều một vòng quanh một đường cao của tam giác đó.
- C. Quay một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định.
- D. Quay một nửa hình tròn một vòng quanh đường kính của nửa đường tròn đó.

Câu 11. Nếu trên bản vẽ có ba hình chiếu (đứng, bằng, cạnh), hình nào giúp ta thấy được chiều dài của vật thể?

- A. Hình chiếu bằng
- B. Hình chiếu đứng
- C. Hình chiếu cạnh
- D. Cả A và B

Câu 12. Nội dung phần “vật liệu” thuộc trình tự đọc nào?

- A. Khung tên
- B. Kích thước
- C. Hình biểu diễn
- D. Yêu cầu kỹ thuật

Câu 13. Khi chế tạo chi tiết theo bản vẽ, nếu sai một kích thước nhỏ (ví dụ 0,5 mm), điều gì có thể xảy ra?

- A. Không ảnh hưởng gì.
- B. Chi tiết không lắp vừa các bộ phận khác.
- C. Chi tiết đẹp hơn.
- D. Máy hoạt động nhanh hơn.

Câu 14. Bước nào sau đây không nằm trong các bước để vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể?

- A. Phân tích vật thể thành các khối đơn giản.
- B. Chọn các hướng chiếu.
- C. Lựa chọn khổ giấy vẽ phù hợp.
- D. Vẽ các hình chiếu các bộ phận của vật thể.

Câu 15. Khi nào cần lập bản vẽ chi tiết?

- A. Khi chế tạo và kiểm tra các chi tiết.
- B. Cần tài liệu cho quá trình thiết kế, lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
- C. Khi thiết kế và thi công xây dựng.
- D. Khi cần kiểm tra tiến độ lắp ráp sản phẩm.

Câu 16. Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn thể hiện:

- A. Chất liệu của chi tiết.
- B. Hình dạng và cấu tạo của chi tiết.
- C. Cách sử dụng chi tiết.
- D. Khối lượng chi tiết.

Câu 17. Khi vẽ chi tiết có rãnh tròn lõm, nếu không thể hiện rõ bằng hình chiếu, ta nên dùng:

- A. Hình phối cảnh
- B. Hình cắt
- B. Nét đứt
- D. Ghi chú thêm

Câu 18. Khi đọc bản vẽ chi tiết, nếu thấy ghi “R20”, điều đó có nghĩa là:

- A. Đường kính 20 mm
- B. Bán kính 20 mm
- C. Đường kính 20 m
- D. Độ sâu 20 mm

Câu 19. Tại sao nói bản vẽ kỹ thuật là “ngôn ngữ” chung dùng trong kỹ thuật?

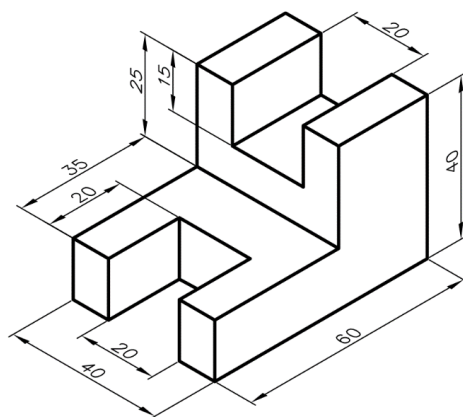
- A. Vì dựa vào bản vẽ kỹ thuật, người công nhân trao đổi thông tin với nhau.
- B. Căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật để chế tạo sản phẩm.
- C. Căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật để lắp ráp sản phẩm.
- D. Tất cả đáp án trên.

Câu 20. Khi khổ giấy không đủ cho khung bản vẽ, em nên:

- A. Bỏ khung.
- B. Giảm tỉ lệ vật thể hoặc chọn khổ giấy lớn hơn.
- C. Vẽ tràn ra ngoài mép giấy.
- D. Cắt vật thể ngắn lại.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm): Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể sau:

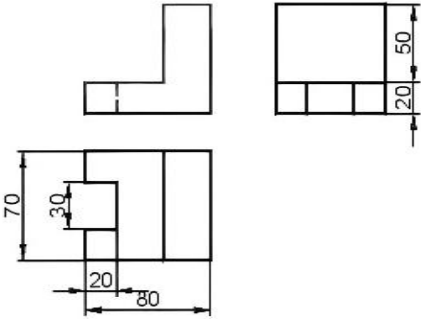
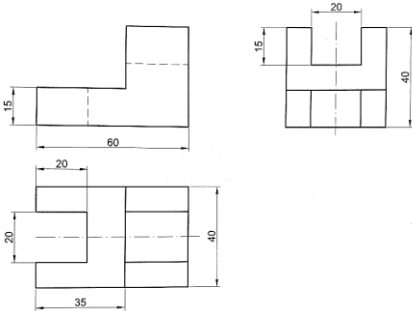
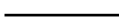
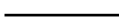
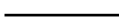


Câu 2 (2,0 điểm):

- a) Trình bày tiêu chuẩn đường kích thước và đường gióng giới hạn trong bản vẽ kỹ thuật.
- b) Em hãy cho biết vì sao trong bản vẽ kỹ thuật cần có các tiêu chuẩn thống nhất về trình bày (như khổ giấy, tỉ lệ, đường nét, khung tên,...).

.....Hết.....

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2025 - 2026)
MÔN: CÔNG NGHỆ 8 –THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Câu	ĐỀ 1					ĐỀ 2					Biểu điểm												
I. Trắc nghiệm	1-B	2-C	3-B	4-D	5-B	1-C	2-C	3-D	4-A	5-C	Mỗi ý đúng được 0,25 điểm												
	6-C	7-C	8-B	9-D	10-C	6-B	7-D	8-A	9-D	10-D													
	11-D	12-D	13-A	14-D	15-C	11-D	12-A	13-B	14-C	15-A													
	16-B	17-A	18-B	19-B	20-A	16-B	17-B	18-B	19-D	20-B													
II. Tự luận	Câu 1. (3,0 điểm) HS vẽ được 3 hình chiếu 					Câu 1. (3,0 điểm) - HS vẽ được 3 hình chiếu 					1 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,5 điểm												
	+ Vẽ đúng hình chiếu bằng. + Vẽ đúng hình chiếu đứng. + Vẽ đúng hình chiếu cạnh. - Hoàn thiện bản vẽ + Vẽ đúng các đường gióng. + Vẽ đúng các đường kích thước, ghi đúng các số kích thước. + Vẽ đúng thứ tự hình chiếu.					+ Vẽ đúng hình chiếu bằng. + Vẽ đúng hình chiếu đứng. + Vẽ đúng hình chiếu cạnh. - Hoàn thiện bản vẽ + Vẽ đúng các đường gióng. + Vẽ đúng các đường kích thước, ghi đúng các số kích thước. + Vẽ đúng thứ tự hình chiếu.																	
	Câu 2 : a) <table><tr><td>Tên gọi</td><td>Hình dạng</td><td>Ứng dụng</td></tr><tr><td>Nét liền đậm</td><td></td><td>Đường bao thấy, cạnh thấy</td></tr><tr><td>Nét liền mảnh</td><td></td><td>Đường kích thước, đường gióng,...</td></tr><tr><td>Nét đứt mảnh</td><td></td><td>Đường bao</td></tr></table>					Tên gọi	Hình dạng	Ứng dụng	Nét liền đậm		Đường bao thấy, cạnh thấy	Nét liền mảnh		Đường kích thước, đường gióng,...	Nét đứt mảnh		Đường bao	Câu 2 a) - Đường gióng giới hạn: + Nét liền mảnh, vượt quá đường kích thước từ 2-4mm. + Vuông góc với độ dài cần ghi kích thước. - Đường kích thước : + Nét liền mảnh, có mũi ten hai đầu. + Kích thước dài : Đường kích thước song song với độ dài cần ghi.					1,0 điểm
Tên gọi	Hình dạng	Ứng dụng																					
Nét liền đậm		Đường bao thấy, cạnh thấy																					
Nét liền mảnh		Đường kích thước, đường gióng,...																					
Nét đứt mảnh		Đường bao																					

			khuất, cạnh khuất	+ Kích thước đường kính, bán kính của cung tròn và đường tròn, đường kích thước thường đi qua tâm.	
	Nét gạch dài- chấm- mảnh	-----	Đường tâm, đường trục,...	b) Vì : - Tiêu chuẩn giúp thống nhất cách trình bày bản vẽ, mọi người có thể đọc – hiểu dễ dàng . - Giúp trao đổi thông tin kỹ thuật chính xác, tránh nhầm lẫn trong chế tạo và lắp ráp. - Tiết kiệm thời gian, nâng cao tính chuyên nghiệp trong học tập và sản xuất .	1,0 điểm

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2025 - 2026)
MÔN: CÔNG NGHỆ 8 –THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	2		1	0,5	1		2	0,5	6	1	3,5
Hình chiếu vuông góc	2		1		2	1	1		6	1	4,5
Bản vẽ chi tiết	2		3		2		1		8		2,0
Tổng số câu TN/TL	6		5	1	5	1	4		10	2	10
Điểm số	1,5		1,25	1,0	1,25	3,0	1,0	1,0	5,0	5,0	10
Tổng số điểm	1,5 điểm 15 %		2,25 điểm 22,5%		4,25 điểm 42,5%		2,0 điểm 20 %		10 điểm 100 %		100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút
ĐỀ 1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1.1.Khổ giấy	Nhận biết: - Kể được các kích thước khổ giấy vẽ theo tiêu chuẩn. - Nêu được một số loại tỉ lệ dùng trong vẽ kỹ thuật - Kể được các loại đường nét thường dùng trong vẽ kỹ thuật Thông hiểu: - Kể được các kích thước khổ giấy vẽ theo tiêu chuẩn. - Nêu được một số loại tỉ lệ dùng trong vẽ kỹ thuật - Kể được các loại đường nét thường dùng trong vẽ kỹ thuật Vận dụng: - Xác định kích thước trên hình biểu diễn khi biết kích thước thật và tỉ lệ vẽ. - Ý nghĩa của bản vẽ kỹ thuật. Vận dụng cao: Biết được lý do cần có tiêu chuẩn thống nhất trong trình bày bản vẽ kỹ thuật.	2	1	1	2
		1.2.Tỉ lệ					
		1.3.Nét vẽ					
2	Hình chiếu vuông góc	2.1. Phương pháp các hình chiếu vuông góc	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm hình chiếu vuông góc. - Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. - Trình bày được cách vẽ hình chiếu vuông góc. - Trình bày được cách ghi kích thước các hình chiếu vuông góc. Thông hiểu: - Cách tạo thành các khối tròn xoay thường gặp.	2	1	2	1
		2.2 Hình chiếu vuông góc của khối đa diện					

		2.3 Hình chiếu vuông góc của khối tròn xoay 2.4 Vẽ hình chiếu vuông góc	Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay. - Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. - Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. - Xác định được vật thể được ghép bởi những hình khối nào. Vận dụng: -Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. -Xác định được hình chiếu tương ứng với vật thể. Vận dụng cao: Xác định được hình chiếu vuông góc của khối đa diện đều và khối tròn xoay được biểu diễn bằng hình chiếu nào.				
3	Bản vẽ chi tiết	3.1 Nội dung của bản vẽ chi tiết 3.2 Đọc bản vẽ chi tiết	Nhận biết: - Trình bày được nội dung của bản vẽ chi tiết. - Trình bày được công dụng của bản vẽ chi tiết. - Kể được tên các bước đọc bản vẽ chi tiết. Thông hiểu: -So sánh được giữa bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp. Vận dụng: -Đọc được bản vẽ chi tiết. Vận dụng cao: -Xác định được kết quả khi có sai số trong bản vẽ chi tiết	2	3	2	1
Tổng				6	5	5	4

NGƯỜI LẬP ĐỀ

TỔ TRƯỞNG

TM BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

Nguyễn Thu Lan

Hoàng Mỹ Trinh

Nguyễn Thị Nhất